

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/6/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Kim Hồng;
2. Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị O**, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 10/26-28 Canley Vale Rd, Canley Vale, NSW 2166, Úc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Trịnh Ngọc T**, sinh năm 1964

HKTT: Số 7 ngõ 205, đường Giải Phóng, phường ĐT, quận HBT, Thành phố HN.

Hiện ở: Tập thể gác A, Công ty Cổ phần Máy Sứ HD, khu 16, phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, bà Vũ Thị O trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông T được tự do tìm hiểu, tổ chức đám cưới tại nước Nga vào năm 2000 và sinh được một con chung nhưng đến ngày 21/11/2005, bà và ông T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Sau đó bà và ông T lại sang nước Nga làm ăn,

đến năm 2015 mới về Việt Nam định cư. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Cuối năm 2019, bà sang Úc thăm con trai và ở lại đó, hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn liên lạc gì với nhau. Bà xác định không còn tình cảm với ông T, cũng không có cách nào để hàn gắn mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

- *Về quan hệ con chung*: Bà và ông T có một con chung là Trịnh Tấn Th, sinh ngày 25/5/2001, hiện nay đang định cư ở Australia (Úc) cùng bà. Anh Th đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự chăm lo được cho bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không đề nghị giải quyết.

\* Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, ông nhất trí như bà O trình bày. Ông và bà O hiện nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Bà O xin ly hôn ông nhất trí.

- *Về quan hệ con chung*: Ông bà có 01 con chung là Trịnh Tấn Th như bà O trình bày là đúng. Anh Th đã trưởng thành, khỏe mạnh, tự chăm lo được cho bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà O và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-CP ngày 05/11/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị O được ly hôn ông Trịnh Ngọc T; Về án phí: Bà O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Vũ Thị O hiện đang sinh sống tại Australia (Úc). Ông Trịnh Ngọc T đang cư trú tại Tập thể gác A, Công ty Cổ phần Máy Sứ HD, khu 16, phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Về xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị O và ông Trịnh Ngọc T tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường BH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/11/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Bà O và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O và ông T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà O ly hôn với ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Bà O và ông T có 01 con chung là Trịnh Tấn Th, sinh ngày 25/5/2001. Anh Th đã trưởng thành, bà O và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Bà O và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị O được ly hôn ông Trịnh Ngọc T.

[2]. Về án phí: Bà Vũ Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000049 ngày 07/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Bà O đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[3]. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Ông Trịnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường BH, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa GD&NCTN, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**